TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Minh Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Hòa**

2. Bà Đào Thị Thanh Tuyền

- *Thư ký phiên toà*: **Ông Phạm Văn Hiền** - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: **Ông Nguyễn Tiến Luật -** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị P, sinh năm 1981**

HKTT: Đội 7, thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Thôn 7, xã K, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Bá B, sinh năm 1982.**

Địa chỉ: Đội 7, thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

(Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008.

- Cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010.

- Cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016.

(Đều vắng mặt không có lý do)

Người đại diện hợp pháp cho các cháu D, K, D**:** Anh Nguyễn Bá B và chị Phạm Thị P - Là bố, mẹ đẻ các cháu đều vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1939 (*Vắng mặt không có lý do)*
Địa chỉ: Đội 7, thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1958 *(Vắng mặt không có lý do)*
Địa chỉ: Thôn 7, xã K, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá B có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13 tháng 12 năm 2007. Sau khi đăng ký kết hôn, chị đã chuyển hộ khẩu thường trú về gia đình nhà chồng tại thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2016 vợ chồng tự xây 02 gian nhà cấp 4 lợp ngói và công trình phụ trên đất của bố mẹ đẻ anh B để ra ăn ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B làm công nhân lắp điện cho các công trình, thường xuyên phải đi xa nhà, anh đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặt khác anh B chơi bời ít khi gửi tiền về cho chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi các con ăn học, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị và bố mẹ hai bên đã phân tích khuyên giải cho anh B nhiều lần nhưng anh không thay đổi tính nết, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng. Năm 2022 chị đã làm đơn xin ly hôn anh B gửi Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, nhưng được mọi người trong gia đình phân tích khuyên giải nên chị đã rút đơn về vợ chồng chung sống nuôi dạy con chung vì các cháu còn nhỏ. Tuy nhiên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, anh B không quan tâm gì đến chị và các con. Năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do anh B đi vào Nam làm mấy tháng không gửi tiền cho chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi các con ăn học, khi chị gọi điện nói anh gửi tiền về thì anh đã mắng chửi chị, vợ chồng không điện thoại hỏi han, quan tâm đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B nên đã về gia đình mẹ đẻ tại thôn 7, xã K, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống từ tháng 02/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế tộc lập. Thời gian về ở cùng mẹ đẻ, anh B có đến 2- 3 lần nói chuyện với mẹ chị, có điện thoại liên lạc, nhắn tin tìm chị về để nuôi dạy các con nhưng chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B nên không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008, Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010, Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh B nhưng anh B đi làm công trình nên thường xuyên vắng nhà, không có thời gian nhiều để chăm sóc, giáo dục các con. Ly hôn nguyện vọng của chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng D và cháu Nguyễn Thị D, còn để anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá K. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Bá B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13 tháng 12 năm 2007, hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2016 vợ chồng xây nhà 02 gian nhà cấp 4 lợp ngói và công trình phụ trên đất của bố mẹ anh để ra ăn ở riêng. Anh làm công nhân lắp điện cho các công trình, thường xuyên phải đi xa nhà, chị P ở nhà làm nông nghiệp và trông nom con cái học hành. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019, khi bố anh bị ốm, anh nghỉ việc về chăm sóc bố thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị P đọc tin nhắn trong máy điện thoại của anh có người con gái nhắn tin nên chị P nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác, ngoài ra còn do việc làm của anh không đều, lương thấp, công ty chậm trả lương nên anh không gửi tiền thường xuyên về cho chị P được, chị P đã nghi ngờ anh chơi bời hết. Anh có giải thích nhưng chị P không tin dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không được. Năm 2022, chị P đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, được Tòa án và gia đình phân tích khuyên giải nên chị P đã rút đơn. Tuy vợ chồng chung sống cùng nhau, anh vẫn đi làm theo công trình ngoài trời nắng mưa rất vất vả, công việc không đều, lương thấp không thường xuyên gửi tiền về cho chị P, chị P vẫn có thái độ nghi ngờ, chị điện thoại không hề hỏi thăm sức khỏe anh được câu nào mà chỉ đòi hỏi gửi tiền. Đến tháng 2 năm 2024 chị P lấy lý do là anh không đưa tiền nên đã bỏ chồng, bỏ con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Thời gian chị P về chung sống cùng mẹ đẻ, anh và các con có đến 4 - 5 lần nói chuyện cùng mẹ đẻ chị P, anh cũng điện thoại, nhắn tin cho chị P quay về đoàn tụ cùng anh nuôi nuôi dạy các con nhưng chị P nhất quyết không về. Nay chị P có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P vẫn còn nên anh xin đoàn tụ. Còn chị P vẫn cương quyết xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh không bỏ vợ bỏ con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, khi vợ chồng ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hồng D và Nguyễn Thị D, để anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá K, anh đồng ý. Anh và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung; công sức, công nợ, ruộng cấy: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Hồng D, Nguyễn Thị D đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Bá K có nguyện vọng xin được ở với bố. Cháu D và cháu K đều có biết việc bố mẹ cãi nhau nguyên nhân là do bố thường xuyên đi làm xa nhà, không có thời gian nói chuyện với mẹ, không gửi tiền về cho mẹ nuôi các cháu, khi nào mẹ điện nhắc bố mới gửi tiền về.

Người làm chứng bà Vũ Thị L là mẹ đẻ của anh B trình bày: Năm 2019 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, lý do là vì vợ chồng anh B, chị P không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống. Gia đình cũng đã khuyên bảo, phân tích nhưng không được. Đầu năm 2024 chị P không ở cùng anh B mà ra ngoài Quảng Ninh ở cùng bố mẹ đẻ. Bà đã khuyên anh B ra tìm chị P về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con nhưng chị P không đồng ý về. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh B, bà vẫn mong muốn anh chị nghĩ đến con để đoàn tụ. Trường hợp không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của chị P trình bày: Vợ chồng chị P, anh B xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đi làm xa nhà, anh B đã ăn chơi và có quan hệ ngoại tình người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến vợ con ở nhà, không gửi tiền về cho chị P chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi con ăn học, chị P gọi điện anh B đã mắng chửi, xúc phạm chị P, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Gia đình bà có phân tích khuyên giải cho anh chị nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 02/2024, chị P đã về gia đình bà ở làm ăn sinh sống. Chị P, anh B sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh B, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết: Chị P và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 13/12/2007, theo giấy kết hôn số 75. Sau khi kết hôn chị P chuyển khẩu về chung sống cùng gia đình anh B tại địa phương. Anh B thường xuyên đi làm ăn xa nhà, còn chị P ở nhà làm nông nghiệp chăm sóc con cái. Việc anh B, chị P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được, vì cả hai anh chị đều không có đơn đề nghị UBND xã giải quyết. Vợ chồng anh B, chị P có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008, cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010, cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016.

Hiện tại chị P đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Anh B sinh sống cùng mẹ đẻ anh B tại địa phương.

Ngày 24/4/2025, chị P và anh B đều có mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Bá B, anh B đã tự đọc và công nhận biên bản ghi đúng lời khai của mình nhưng không ký vào biên bản lời khai, anh đã tự ý bỏ về không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay, chị P và anh B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị P, xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Bá B.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hồng D sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu D và D đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010 cho anh Nguyễn Bá B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị P và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị P và anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1].Về tố tụng: Chị Phạm Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Bá B có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị P, anh B đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Bá B có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/12/2007, trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B đi làm theo công trình thường xuyên xa nhà, chị P cho rằng anh B đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh B chơi bời ít khi gửi tiền về cho chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi các con ăn học, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị và gia đình bên đã phân tích khuyên giải nhiều lần nhưng anh B không thay đổi tính nết, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng, chị P đã làm đơn xin ly hôn anh B, được gia đình phân tích khuyên giải nên chị đã rút đơn về vì các con còn nhỏ, cho anh cơ hội. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, anh B không quan tâm đến chị và các con. Đến năm 2023 mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng hơn, anh B đi làm mấy tháng không gửi tiền cho chị, khi chị gọi điện anh đã mắng chửi chị, vợ chồng không điện thoại hỏi han, quan tâm đến nhau nên chị đã về gia đình mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Nay HĐXX thấy rằng tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh B.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008, cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010, cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016. Hiện nay cả ba cháu đang ở với cùng anh B, cháu D và D đều xin được ở với chị P, cháu K xin được ở với anh B. Ly hôn chị P có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu D và D, còn để anh B nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh B đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Nên HĐXX giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu D và D, kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh B trực tiếp dưỡng dưỡng cháu K, kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không giải quyết. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong quá trình P, anh B nuôi con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ chung: Chị P, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị P.

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Bá B.

2. Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008, Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010, Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016.

Giao 2 cháu Nguyễn Hồng D, sinh ngày 22/9/2008, Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Phạm Thị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu D, D đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 01/7/2010 cho anh Nguyễn Bá B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị P, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4.Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001108 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5.*Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự, đại diện hợp pháp cho người chưa thành niên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện T;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện T:
- UBND xã L
(GĐKH số 53, quyển số 77/2007).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Ngọc